

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ~~4224~~/UBND-NC
V/v tiếp tục tăng cường công tác
PCTN, TC; nâng cao chỉ số
đánh giá PCTN trên địa bàn tỉnh

Bình Phước, ngày ~~22~~ tháng ~~4~~ năm 2023

Kính gửi:

- Thủ trưởng các sở, ban, ngành;
- Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Các doanh nghiệp nhà nước.

Ngày 06/11/2023, Thanh tra Chính phủ đã ban hành Công văn số 2532/TTCP-C.IV về điểm đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng năm 2022. Qua kết quả đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng cho thấy, tỉnh Bình Phước đã có nhiều cố gắng, nỗ lực trong công tác thực hiện phòng ngừa, ngăn chặn tình trạng tham nhũng, tuy nhiên, vẫn còn một số nội dung chưa đạt yêu cầu, số điểm đánh giá chưa cao (đạt 62.69/100 điểm, cao hơn 1.57 điểm so với năm 2021);

Nhằm nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và chỉ số đánh giá phòng, chống tham nhũng trên địa bàn tỉnh trong thời gian tới,

Chủ tịch UBND yêu cầu các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố, các doanh nghiệp nhà nước đóng chân trên địa bàn tỉnh:

1. Triển khai và thực hiện có hiệu quả Luật Phòng, chống tham nhũng, Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng; Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị; Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 22/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân và doanh nghiệp trong giải quyết công việc; thường xuyên tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống tham nhũng trong ngành, lĩnh vực, địa phương mình.

2. Tiếp tục tuyên truyền, quán triệt, thực hiện nghiêm túc các chủ trương, nghị quyết, văn bản của Trung ương, của Tỉnh ủy, UBND tỉnh về công tác phòng, chống tham nhũng¹; giám sát và triển khai đồng bộ có hiệu quả các giải

¹ Công văn số 676/UBND-NC ngày 03/3/2021 của UBND tỉnh về triển khai ý kiến chỉ đạo của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về PCTN tại Hội nghị toàn quốc tổng kết công tác TCTN giai đoạn 2013-2020; Công văn số 92/UBND-NC ngày 20/5/2021 của UBND tỉnh về việc thực hiện kết luận của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước, Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về PCTN tại cuộc họp ngày 18/3/2021; Kế hoạch số 378/KH-UBND ngày 23/12/2021 của UBND tỉnh về công tác PCTN năm 2022 của tỉnh Bình Phước; Công văn số 139/UBND-NC ngày 04/7/2022 v/v triển khai thực hiện Thông báo số 12-TB/TW ngày 06/4/2022 của Bộ Chính trị về "tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác PCTN, tiêu cực"; Kế hoạch số 215/KH-UBND ngày 19/7/2022 về triển khai Đề án số 04-ĐA/TU ngày 25/6/2022 của Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy đảng đối với công tác PCTN, TC trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025, định hướng năm 2030; Công văn số 2473/UBND-NC ngày 09/9/2022 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện chỉ

pháp phòng, chống tham nhũng theo quy định.

3. Chỉ đạo thực hiện hiệu quả chế độ quản lý, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức; tăng cường kiểm tra, kiểm soát, cải cách thủ tục hành chính; thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở. Định kỳ xây dựng kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác cán bộ, công chức, viên chức theo quy định.

4. Tăng cường thanh tra, kiểm tra công tác quản lý Nhà nước trên mọi lĩnh vực, nhất là các lĩnh vực nhạy cảm như: Quản lý, sử dụng đất đai, tài nguyên khoáng sản, xây dựng cơ bản, giao thông, y tế, thu chi ngân sách,...

5. Tăng cường hơn nữa công tác thanh tra trách nhiệm đối với thủ trưởng các cấp, các ngành trong công tác phòng, chống tham nhũng lãng phí; công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo có liên quan đến tham nhũng; đặc biệt là trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị để xảy ra sai phạm. Việc thanh tra trách nhiệm cần chú trọng một số nội dung trọng tâm như: (1) *Xây dựng, thực hiện các chế độ, định mức, tiêu chuẩn*; (2) *Việc công khai, minh bạch hoạt động của cơ quan đơn vị như công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, công khai tài chính...*; (3) *Thực hiện quy định về quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn, việc chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức*; (4) *Kê khai minh bạch tài sản thu nhập...*

6. Thực hiện hiệu quả các quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn, nhất là đối tượng phải kê khai tài sản, thu nhập hàng năm, bổ sung; quản lý, kiểm tra bản kê khai, phối hợp xác minh tài sản, thu nhập khi có dấu hiệu.

7. Tiếp tục thực hiện tốt công tác giáo dục tư tưởng, chính trị cho đảng viên, cán bộ, công chức giúp cho cán bộ, đảng viên trong cơ quan, đơn vị có nhận thức đúng đắn về ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phát hiện và xử lý vụ việc, vụ án tham nhũng góp phần xây dựng tổ chức đảng, đoàn thể, cơ quan trong sạch, vững mạnh, đáp ứng các yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới.

đạo của đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại Hội nghị toàn quốc tổng kết 10 năm công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; Công văn số 211/UBND-NC ngày 21/10/2022 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện các văn bản của Ban Chỉ đạo PCTN, TC tỉnh; Công văn số 2771/UBND-NC ngày 29/9/2022 của UBND tỉnh về việc tăng cường nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng trên địa bàn tỉnh; Công văn số 421/UBND-NC ngày 13/02/2023 về tăng cường công tác PCTN trên địa bàn tỉnh; Công văn số 86/UBND-NC ngày 06/4/2023 về thực hiện chương trình công tác năm 2023 về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực tỉnh; Kế hoạch số 1175/UBND-NC ngày 11/4/2023 về đẩy mạnh thực hiện hành tiết kiệm, chống lãng phí theo Nghị định số 74/2002/QH15 ngày 15/11/2022 của Quốc hội; Công văn số 351/UBND-NC ngày 30/10/2023 về thực hiện chỉ đạo của Ban Chỉ đạo về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực tỉnh; Công văn số 2477/UBND-NC ngày 29/8/2019 của UBND tỉnh về việc rà soát, chấn chỉnh, xử lý nghiêm các hành vi tiêu cực, tham nhũng trong các cơ quan, đơn vị có chức năng phòng, chống tham nhũng; Công văn số 1465/UBND-NC ngày 29/5/2019 của UBND tỉnh về việc yêu cầu người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị phải nêu cao trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác bảo vệ người tố giác thuộc phạm vi mình phụ trách; Công văn số 1452/UBND-KGVX ngày 05/5/2023 về xử lý thông tin do báo chí phản ánh; Công văn số 2216/UBND-NC ngày 03/7/2023 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Kết luận của BCĐ Trung ương về PCTN, TC liên quan đến giải quyết nguồn tin về tội phạm; Công văn số 1952/UBND-NC ngày 04/7/2023 V/v thực hiện các thông báo kết luận của Trường Ban Chỉ đạo Trung ương và Trường ban Chỉ đạo tỉnh về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; Công văn số 74/UBND-NC ngày 09/01/2023 về triển khai thực hiện Quyết định số 41-QĐ/TW, Thông báo số 20-TB/TW của Bộ Chính trị và Hướng dẫn số 21-HD/BTCTW của Ban Tổ chức Trung ương; Kế hoạch số 172/KH-UBND ngày 17/5/2021 của UBND tỉnh; Công văn số 2625/UBND-NC ngày 02/8/2023 về việc triển khai thực hiện một số Quy định của Bộ Chính trị và Ban Bí thư; Kế hoạch số 306/KH-UBND ngày 08/10/2021 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Kế hoạch số 41-KH/TU ngày 09/9/2021 của Tỉnh ủy về thực hiện Chỉ thị số 04-CT/TW ngày 02/6/2021 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thu hồi tài sản bị thất thoát chiếm đoạt trong các vụ án hình sự về tham nhũng, kinh tế.

8. Thực hiện kịp thời việc xử lý trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị căn cứ vào mức độ tham nhũng; triển khai hiệu quả việc xử lý hành vi vi phạm pháp luật về phòng, chống tham nhũng cũng như việc thu hồi tài sản tham nhũng.

9. Đề nghị các cơ quan điều tra, truy tố tập trung chỉ đạo, đôn đốc đẩy nhanh tiến độ, xử lý nghiêm minh các vụ việc, vụ án tham nhũng đã phát hiện.

10. Trên cơ sở chỉ đạo tại Công văn này, Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố ban hành văn bản cụ thể hóa để lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện; định kỳ báo cáo kết quả thực hiện lồng ghép vào báo cáo phòng, chống tham nhũng gửi về Thanh tra tỉnh để tổng hợp, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh.

11. Giao Thanh tra tỉnh hướng dẫn việc thực hiện Công văn này; theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, tổng hợp kết quả thực hiện, lập danh sách các cơ quan, đơn vị không thực hiện đúng chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh, phối hợp với Sở Nội vụ đề xuất, tham mưu UBND tỉnh xử lý theo quy định.

(Gửi kèm: Công văn số 2532/TTCP-C.IV ngày 06/11/2023 của Thanh tra Chính phủ về điểm đánh giá công tác PCTN năm 2022)./.

Nơi nhận:

- Thanh tra Chính phủ;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- TAND tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Như trên;
- LĐVP, PNC;
- Lưu: VT. DN100 6



Trần Tuệ Hiền



THANH TRA CHÍNH PHỦ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2532 /TTCP-C.IV

Hà Nội, ngày 06 tháng 11 năm 2023

V/v điểm đánh giá công tác
PCTN năm 2022

UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC

Kính gửi:

Số:.....
ĐẾN Ngày: 9/11/2023
Chuyển: PNC
Số và ký hiệu HS:.....

- Tỉnh uỷ Bình Phước;
- Ban Chỉ đạo PCTNTC tỉnh Bình Phước;
- UBND tỉnh Bình Phước.

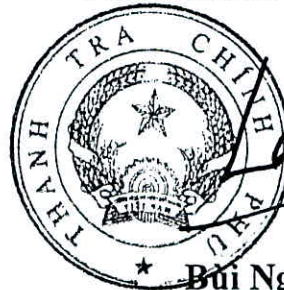
Thực hiện Kế hoạch số 344/KH-TTCP ngày 15/2/2023 của Tổng Thanh tra Chính phủ về việc đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng đối với tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (cấp tỉnh) năm 2022.

Thực hiện quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng (PCTN) năm 2018, ngày 15 tháng 2 năm 2023 Thanh tra Chính phủ đã ban hành Kế hoạch số 344/KH-TTCP tổ chức đánh giá công tác PCNT cấp tỉnh năm 2022, đã ký Quyết định số 152/QĐ-TTCP ngày 14 tháng 4 năm 2023 ban hành Bộ Chỉ số đánh giá và tài liệu hướng dẫn các địa phương tự đánh giá. Căn cứ hồ sơ, tài liệu minh chứng, Thanh tra Chính phủ đã tổ chức rà soát, đánh giá báo cáo tự đánh giá của địa phương. Điểm đánh giá công tác PCTN năm 2022 của Tỉnh đạt 62.69/100 điểm (có phụ lục kèm theo).

Trên cơ sở kết quả điểm đánh giá công tác PCTN năm 2022 mà Tỉnh đạt được, Thanh tra Chính phủ trân trọng đề nghị các đồng chí tiếp tục, tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện nhằm nâng cao hiệu quả công tác PCTN tại địa phương./. *AB*

Nơi nhận: *AB*

- Như trên;
- Tổng Thanh tra CP (để b/c);
- Các Phó Tổng Thanh tra CP;
- Vụ KHTH; Cục III thuộc TTCP;
- Lưu: VT, C.IV (4b). *HT*

**KT. TỔNG THANH TRA
PHÓ TỔNG THANH TRA***lam*
Bùi Ngọc Lam



**ĐIỂM ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC PCTN NĂM 2022
CỦA TỈNH BÌNH PHƯỚC**
(Kèm theo Công văn số: 2532 /TTCP-C.IV ngày 06 tháng 11 năm 2023)

NỘI DUNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ	Thang điểm	Điểm tự đánh giá	Điểm sau rà soát
TỔNG ĐIỂM (A+B+C+D)	100	74.47	62.69
A. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO, XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ PCTN	20	18.58	18.58
A.1. Đánh giá việc lãnh đạo, chỉ đạo công tác PCTN:	5	5	5
A.1.1. Ban hành kế hoạch PCTN năm 2022	1	1	1
A.1.2. Nội dung kế hoạch PCTN năm 2022	4	4	4
A.1.2.1 Triển khai thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của TW về PCTN	1	1	1
A.1.2.2 Kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL về PCTN	0.5	0.5	0.5
A.1.2.3 Xây dựng và hoàn thiện chính sách, pháp luật về PCTN	0.5	0.5	0.5
A.1.2.4 Tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về PCTN	0.5	0.5	0.5
A.1.2.5 Kiểm tra và theo dõi thi hành văn bản QPPL về PCTN	0.5	0.5	0.5
A.1.2.6 Kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch PCTN	1	1	1
A.2. Đánh giá việc tổ chức thực hiện:	15	13.58	13.58
A.2.1. Thực hiện công tác xây dựng và hoàn thiện chính sách pháp luật về PCTN	4	4	4
A.2.1.1. Ban hành kế hoạch	1	1	1
A.2.1.2. Kết quả thực hiện	3	3	3
A.2.2. Thực hiện kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật về PCTN	4	4	4
A.2.2.1. Ban hành kế hoạch	1	1	1
A.2.2.2. Kết quả thực hiện	3	3	3
A.2.3. Thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về PCTN.	4	4	4
A.2.3.1. Ban hành kế hoạch	1	1	1
A.2.3.2. Kết quả thực hiện	3	3	3
A.2.4. Thực hiện việc kiểm tra và theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật về PCTN	1	1	1
A.2.5. Việc tiếp công dân của Chủ tịch UBND cấp tỉnh và chỉ đạo xử lý các kiến nghị của công dân.	2	0.58	0.58
A.2.5.1. Việc tiếp công dân của Chủ tịch UBND cấp tỉnh.	1	0.58	0.58
A.2.5.2. Việc chỉ đạo của Chủ tịch UBND cấp tỉnh xử lý tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân ...	1	0	0
B. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA THAM NHŨNG	30	21.93	22.48

Phul

B.1. Công tác phòng ngừa tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị khu vực Nhà nước	26	20.93	21.48
B.1.1. Kết quả thực hiện công khai, minh bạch theo quy định tại Điều 10 của Luật PCTN 2018	6	6	6
B.1.2. Kết quả cải cách hành chính (PAR 2022)	1	0.84	0.84
B.1.3. Kết quả chuyển đổi số cấp tỉnh (DTI năm 2022)	1	0.49	0.64
B.1.4. Kết quả thực Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt	1	1	1
B.1.5. Kết quả việc thực hiện định mức, chế độ, tiêu chuẩn	2	1.6	2
B.1.5.1. Việc ban hành kế hoạch	1	1	1
B.1.5.2. Kết quả thực hiện	1	1	1
B.1.6. Kết quả kiểm soát xung đột lợi ích (XĐLI)	4	2	2
B.1.6.1. Việc ban hành kế hoạch	1	1	1
B.1.6.2. Kết quả thực hiện	1	1	1
B.1.6.3. Kết quả giải quyết XĐLI	2	0	0
B.1.7. Kết quả việc chuyển đổi vị trí công tác của CB, CC, VC	1	1	1
B.1.7.1. Việc ban hành kế hoạch	0.5	0.5	0.5
B.1.7.2. Kết quả thực hiện	0.5	0.5	0.5
B.1.8. Kết quả thực hiện quy tắc ứng xử	1	1	1
B.1.9. Kết quả kiểm soát tài sản, thu nhập (TSTN)	5	5	5
B.1.9.1. Ban hành kế hoạch kê khai, công khai bản kê khai TSTN.	1	1	1
B.1.9.2. Kết quả kê khai, công khai bản kê khai TSTN	1	1	1
B.1.9.3. Việc ban hành, phê duyệt kế hoạch xác minh TSTN	1	1	1
B.1.9.4. Kết quả xác minh TSTN	2	2	2
B.1.10. Kết quả thực hiện Chỉ thị 10/TTg của TTg CP	4	2	2
B.1.10.1. Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị 10	1	1	1
B.1.10.2. Việc tiếp nhận, xử lý kiến nghị, phản ánh....	1	1	1
B.1.10.3. Kết quả xử lý vi phạm Chỉ thị 10	2	0	0
B.2. Công tác phòng ngừa tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước	4	1	1
B.2.1. UBND cấp tỉnh ban hành văn bản hướng dẫn, đôn đốc thực hiện công tác phòng ngừa tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước	1	1	1
B.2.2. Kết quả Thanh tra việc thực hiện pháp luật PCTN đối với doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước	3	0	0
C. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC PHÁT HIỆN VÀ XỬ LÝ THAM NHŨNG	40	31.78	19.15
C.1. Việc phát hiện hành vi tham nhũng	12	5.77	3.79
C.1.1. Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua KT, TT, GS	4	0.7	0.7
C.1.2. Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua phản ánh, tố cáo	4	2	0.02
C.1.3. Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua điều tra, truy tố, xét xử	4	3.07	3.07
C.2. Việc xử lý tham nhũng	20	11.78	11.36
C.2.1. Kết quả xử lý kỷ luật đối với tổ chức, cá nhân do để xảy ra TN	5	5	4.58

C.2.1.1. Kết quả xử lý kỷ luật về đảng, xử phạt hành chính đối với tổ chức do để xảy ra tham nhũng.	2.5	2.5	2.5
C.2.1.2. Kết quả xử lý kỷ luật hành chính đối với cá nhân có hành vi tham nhũng	2.5	2.5	2.08
C.2.2. Kết quả xử lý hình sự người có hành vi tham nhũng	7.5	6.47	6.47
C.2.2.1. Kết quả xử lý qua điều tra	2.5	2.5	2.5
C.2.2.2. Kết quả xử lý qua truy tố	2.5	1.85	1.85
C.2.2.3. Kết quả xử lý qua xét xử	2.5	2.12	2.12
C.2.3. Kết quả xử lý trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị căn cứ vào mức độ của vụ việc tham nhũng.	7.5	0.31	0.31
C.2.3.1. Hình thức khiển trách	2.5	0	0
C.2.3.2. Hình thức cảnh cáo	2.5	0	0
C.2.3.3. Hình thức cách chức	2.5	0.31	0.31
C.3. Kết quả xử lý hành vi khác vi phạm pháp luật về PCTN	8	4	4
C.3.1. Kết quả xử lý vi phạm trong thực hiện công khai minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức đơn vị (Điều 81 – Nghị định 59/2019/NĐ-CP)	1	0	0
C.3.2. Kết quả xử lý vi phạm quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn (Điều 82 – Nghị định 59/2019/NĐ-CP)	1	1	1
C.3.3. Kết quả xử lý vi phạm quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị (Điều 83 – Nghị định 59/2019/NĐ-CP)	1	1	1
C.3.4. Kết quả xử lý vi phạm quy định về xung đột lợi ích (Điều 84 – Nghị định 59/2019/NĐ-CP)	1	0	0
C.3.5. Kết quả xử lý vi phạm quy định về chuyển đổi vị trí công tác	1	0	0
C.3.6. Kết quả xử lý vi phạm quy định về báo cáo, xử lý báo cáo về hành vi tham nhũng (Điều 85 – Nghị định 59/2019/NĐ-CP)	1	0	0
C.3.7. Kết quả xử lý hành vi vi phạm đối với người kê khai TSTN và xử lý hành vi vi phạm khác trong kiểm soát TSTN (Điều 20, 21 – Nghị định 130/2020/NĐ-CP)	2	2	2
D. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC THU HỒI TÀI SẢN THAM NHƯNG	10	2.48	2.48
D.1. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra, giải quyết đơn tố cáo, phản ánh	5	5	0
D.1.1. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra	3	0	0
D.1.2. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác giải quyết đơn tố cáo, phản ánh	2	0	0
D.2. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án	5	2.48	2.48
D.2.1. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác điều tra, truy tố, xét xử	2.5	2.48	2.48
D.2.2. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác thi hành án	2.5	0	0